

CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO

1. Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy:

TT	Nội dung	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1.	Tổng diện tích đất được sử dụng (m ²)		17.640	
2.	Tổng diện tích sàn đã xây dựng (m ²)		11.656,2	
3.	Diện tích phục vụ học tập		5.788,4	
4.	Phòng học lý thuyết			
	Số phòng	08	1.120	
5.	Phòng học mô phỏng	02	140	
6.	Phòng/xưởng thực hành			
	Số phòng/xưởng (m ²)	21	1270.5	
6.1	Thực hành ngoại ngữ	01	60.5	
6.2	Thực hành tin học	02	121	
6.3	Thực hành điều dưỡng cơ bản	03	181.5	
6.4	Thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn	01	60.5	
6.5	Khu thực hành Tiền lâm sàng (Thực hành khám bệnh hệ Nội - Ngoại - Nhi - HSCC, Điều dưỡng)			
	- Phòng Tiếp nhận bệnh	01	60.5	
	- Phòng lưu trú bệnh	01	60.5	
	- Phòng Hồi sức tích cực	01	60.5	
6.6	Thực hành Giải phẫu - Sinh lý	02	121	
6.7	Thực hành YHCT - VLTL - PHCN	01	60.5	
6.8	Thực hành Vi sinh - Ký sinh trùng	01	60.5	
6.9	Thực hành Sản	02	121	
6.10	Thực hành Hóa sinh	01	60.5	
6.11	Thực hành Sinh lý bệnh - Miễn dịch	01	60.5	
6.12	Thực hành Giải phẫu bệnh	01	60.5	
6.13	Thực hành Dược lý	02	121	
7.	Hội trường	01	445,7	
8.	Thư viện	01	151,2	
9.	Phòng làm việc	20	760	

TT	Nội dung	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
10.	Ký túc xá học sinh	50	1.656	
11.	Phòng họp	3	145	
12.	Phòng tập đa năng	2	100	
13.	Sân cầu lông, sân bóng chuyền, nhà để xe chung và nhà để xe cán bộ, giáo viên, nhà để xe ô tô, nhà để xe khu ký túc xá, khu vệ sinh chung).	2	3.094,7	

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 08 phòng (tổng diện tích: 1.120 m²);
- Số phòng học Mô phỏng: 02 (tổng diện tích: 140 m²);
- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: 21 (tổng diện tích: **1.270,5m²**).

2. Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy:

- Phòng học lý thuyết:

TT	Thiết bị dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy vi tính	Bộ	08	
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	08	
3.	Bảng viết	Chiếc	06	
4.	Bàn ghế giáo viên	Bộ	06	
5.	Bàn học sinh	Bộ	100	

- Phòng học tích hợp:

TT	Thiết bị dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy vi tính	Bộ	02	
2.	Tivi thông minh	Bộ	02	
3.	Bảng lật	Chiếc	03	
4.	Bàn ghế giáo viên	Bộ	02	
5.	Bàn học	cái	04	
6.	Ghế ngồi sinh viên	Cái	100	

- Phòng học ngoại ngữ:

TT	Thiết bị dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1.	Bàn điều khiển	Chiếc	01	
2.	Khởi điều khiển trung tâm	Chiếc	01	
3.	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	01	
4.	Khởi điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	01	
5.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	
6.	Máy vi tính	Bộ	19	
7.	Tai nghe	Bộ	19	
8.	Scanner	Chiếc	01	
9.	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01	
10.	Loa	Bộ	01	
11.	Âm ly	Chiếc	01	
12.	Phần mềm học ngoại ngữ	Bộ	01	

- Phòng thực hành máy vi tính:

TT	Thiết bị dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy vi tính	Bộ	35	
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	
3.	Bộ phần mềm văn phòng	Bộ	01	
4.	Bộ phần mềm phonng chữ tiếng Việt	Bộ	01	
5.	Phần mềm diệt virus	Bộ	01	
6.	Scanner	Chiếc	01	
7.	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01	
8.	Máy in	Chiếc	01	
9.	Hệ thống mạng LAN	Bộ	01	

- Phòng thực hành điều dưỡng:

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy vi tính	Bộ	02	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	02	
3.	Bảng lật	Cái	02	
4.	Tủ đầu giường và giường bệnh kèm nệm, gối gar trải giường	Bộ	04	
5.	Mô hình đa năng	Con	04	
6.	Mô hình đặt ống thông dạ dày	Bộ	02	
7.	Mô hình hồi sinh tim phổi điện tử	Bộ	01	
8.	Mô hình hồi sinh tim phổi người lớn, trẻ em	Bộ	02/ loại	
9.	Mô hình thông tiểu nam	Bộ	02	
10.	Mô hình thông tiểu nữ	Bộ	02	
11.	Mô hình thực tháo	Bộ	02	
12.	Mô hình sơ cấp cứu các loại	con	04	
13.	Mô hình tiêm bắp	Bộ	04	
14.	Mô hình cánh tay tiêm tĩnh mạch	Bộ	04	
15.	Mô hình tiêm mông	Bộ	04	
16.	Bình thở oxy	Bộ	02	
17.	Máy hút đờm giải	Bộ	02	
18.	Bơm tiêm điện	Bộ	02	
19.	Máy truyền dịch	Bộ	02	
20.	Máy monitoring theo dõi dấu hiệu sinh tồn	Bộ	01	
21.	Đèn đọc phim XQ thường	Chiếc	01	
22.	Cáng	Chiếc	02	
23.	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	04	
24.	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	04	
25.	Xe thay băng 3 tầng	Chiếc	04	
26.	Ống trụ inox	Cái	05	
27.	Nhiệt kế thủy ngân	Cái	05	
28.	Huyết áp kế, ống nghe	Bộ	05	
29.	Bộ dụng cụ thay băng sạch	Bộ	04	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
30.	Bộ dụng cụ thay băng nhiễm khuẩn	Bộ	04	
31.	Bộ dụng cụ thay băng cắt chỉ	Bộ	04	
32.	Bộ dụng cụ tiêm bắp	Bộ	04	
33.	Bộ dụng cụ tiêm tĩnh mạch	Bộ	04	
34.	Bộ dụng cụ truyền dịch, truyền máu	Bộ	04	
35.	Bộ dụng cụ cho ăn qua ống thông	Bộ	04	
36.	Bộ dụng cụ thở oxy	Bộ	04	
37.	Bộ dụng cụ thụt tháo	Bộ	04	
38.	Bộ dụng cụ hút đờm, giải	Bộ	04	
39.	Bộ dụng cụ sơ cứu vết thương phần mềm, garo cầm máu	Bộ	04	
40.	Nẹp gỗ cố định gãy xương các loại	Bộ	03/ loại	
41.	Nẹp hơi cố định gãy xương các loại	Cái	02/loại	
42.	Băng cuộn các loại	Cuộn	06/loại	
43.	Tủ chứa đồ	Chiếc	01	
44.	Bộ tranh quy trình cấp cứu	Bộ	01	
45.	Bộ tranh quy trình rửa tay thường quy	Bộ	02	
46.	Bộ bảng kiểm quy trình kỹ thuật điều dưỡng	Cái	60	

- Phòng kiểm soát nhiễm khuẩn :

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	DỤNG CỤ KHỬ KHUẨN TIỆT KHUẨN			
1.	Máy sấy	Cái	1	
2.	Máy hấp ướ	Cái	1	
3.	Nồi hấp ướ	Cái	1	
4.	Nồi hấp dụng cụ điện	Cái	1	
5.	Tủ sấy khô	Cái	1	
	BỘ DỤNG CỤ RỬA TAY THƯỜNG QUY			
6.	Lababo, vòi nước có cần gạt bằng tay	Bộ	5	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
7.	Hộp đựng khăn lau tay sạch dùng một lần (hộp tròn inox)	Cái	3	
8.	Thùng đựng khăn lau tay bẩn	Cái	6	
9.	Dung dịch rửa tay	Chai	5	
10.	Găng tay	Hộp	10	
11.	Bồn rửa tay ngoại khoa 2 vòi	Cái	1	
	BỘ DỤNG CỤ RỬA TAY NGOẠI KHOA			
12.	Bàn chải mềm để đánh tay	Cái	20	
13.	Kéo cắt móng tay hoặc bấm móng tay	Cái	5	
14.	Dung dịch rửa tay	Chai	5	
15.	Hộp tròn inox hấp dụng cụ	Cái	1	
16.	Chậu đựng cồn 70 độ hoặc dung dịch để ngâm tay	Cái	2	
	BỘ DỤNG CỤ MẶC ÁO CHOÀNG VÔ KHUẨN			
17.	Áo choàng	Cái	2	
18.	Kèm kocher	Cái	3	
	DỤNG CỤ MANG GĂNG VÔ KHUẨN			
19.	Hộp đựng găng vô khuẩn (hộp chữ nhật inox lớn)	Cái	4	
20.	Kèm kocher	Cái	3	
21.	Thùng rác màu vàng	Cái	2	
22.	Thùng rác màu xanh	Cái	2	
23.	Ống cắm kèm	Cái	10	
24.	Tủ kính đựng dụng cụ	Cái	1	
25.	Thau inox	Cái	2	
26.	Khay inox	Cái	10	
27.	Khay hạt đậu inox	Cái	5	
28.	Găng tay vô khuẩn	Đôi	100	
29.	Găng tay sạch	Đôi	100	
30.	Khăn lau tay	Cái	15	
31.	nước rửa tay	Chai	10	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
32.	Bàn chải mềm để đánh tay	Cái	20	
33.	Thùng rác	Cái	6	

- Khu thực hành Tiền lâm sàng: (Tiếp nhận khám bệnh Hệ Nội - Ngoại - Nhi)

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I.	PHÒNG TIẾP NHẬN BỆNH, KHÁM BỆNH			
1.	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01	
2.	Huyết áp, ống nghe, nhiệt kế	Bộ	01	
3.	Cân điện tử	Cái	01	
4.	Thước đo chiều cao	Cái	01	
5.	Bộ hồ sơ bệnh án các chuyên khoa hệ nội, ngoại, nhi, HSCC	Bộ	05/ loại	
6.	Giường bệnh, tủ đầu giường, chăn ga, gối nệm	Bộ	01	
7.	Bình phong	Cái	01	
8.	Dụng cụ khám chuyên khoa (Nội, Ngoại)	Bộ	01/ loại	
II.	PHÒNG ĐIỀU TRỊ			
9.	Giường bệnh đa năng + tủ đầu giường và trang thiết bị kèm theo như: đệm, gối, khăn trải giường...	Bộ	02	
10.	Bình oxy trung tâm đến tận giường bệnh,	bộ	02	
11.	Tủ thuốc	Cái	01	
12.	Thuốc các loại (dạng nước, dạng viên, dạng bột)	Hộp	01/loại	
13.	Cọc truyền và bộ truyền dịch	cái	01	
14.	Xe đẩy dụng cụ	cái	01	
15.	Bộ dụng cụ bôi thuốc cho người bệnh	Bộ	01	
16.	Bộ dụng cụ tiêm, truyền	Bộ	01	
17.	Bộ dụng cụ truyền máu	Bộ	01	
18.	Bộ dụng cụ lấy bệnh phẩm xét nghiệm	Bộ	01	
19.	Bộ dụng cụ nhỏ thuốc mắt, mũi, tai	Bộ	01	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
20.	Bộ dụng cụ cho ăn bằng đường miệng	Bộ	01	
21.	Bộ dụng cụ cho ăn bằng đường thông	Bộ	01	
22.	Bộ dụng cụ hút đờm dãi cho người bệnh	Bộ	01	
23.	Bộ dụng cụ rửa vết thương cho người bệnh	Bộ	01	
24.	Bộ dụng cụ cắt chỉ vết thương cho người bệnh	Bộ	01	
25.	Bộ dụng cụ thắt tháo, thắt giữ cho người bệnh	Bộ	01	
26.	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	01	
27.	Các loại băng, băng các loại	cái	1/ loại	
28.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Cái	01	
III.	PHÒNG CẤP CỨU/ CS TÍCH CỰC			
29.	Giường bệnh đa năng + tủ đầu giường và trang thiết bị kèm theo như: đệm. gối, khăn trải giường, đệm nước ...	Bộ	02	
30.	Bộ dụng cụ cấp cứu (bóng Ambu+ hộp cấp cứu chống sốc)	Bộ	02	
31.	Hệ thống ôxy và máy thở	Bộ	01	
32.	Cọc truyền và bộ truyền dịch	Bộ	01	
33.	Mô hình đa năng	Bộ	02	
34.	Huyết áp kế + ống nghe	Bộ	02	
35.	Máy truyền dịch	Bộ	01	
36.	Máy monitoring theo dõi dấu hiệu sinh tồn	Bộ	01	
37.	Máy điện tim 6 cần	Bộ	01	
38.	Máy điện não	Bộ	01	
39.	Máy hút đờm dãi	Cái	02	
40.	Máy tiêm tĩnh mạch	Bộ	01	
41.	Bộ dụng cụ đặt nội khí quản	Bộ	01	
42.	Bộ dụng cụ mở khí quản	Bộ	01	
43.	Bộ dụng cụ đặt Catheter	Bộ	01	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
44.	Các loại ống dẫn lưu đang sử dụng: Sonde folley 2 chạc, Sonde folley 3 chạc, Sonde nellaton, Sonde đặt dạ dày	cái	5/ loại	
45.	Các quy trình cấp cứu...	Bộ	01	
46.	Bộ dụng cụ chườm lạnh	Bộ	01	
47.	Bộ dụng cụ tiêm truyền	Bộ	01	

- Phòng thực hành Giải phẫu - Sinh lý:

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy vi tính	Bộ	01	
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	
3.	Bảng lật	Chiếc	01	
4.	Mô hình bộ xương người tháo rời	Bộ	01	
5.	Bộ xương người cỡ chuẩn	Bộ	01	
6.	Mô hình hộp sọ (7 Phần)	Bộ	01	
7.	Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng (13 phần)	Bộ	01	
8.	Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ (30 phần)	Bộ	01	
9.	Mô hình hệ cơ bán thân có đầu (27 Phần)	Bộ	01	
10.	Mô hình hệ cơ toàn thân	Bộ	01	
11.	Mô hình cơ cánh tay (6 mảnh)	Bộ	01	
12.	Mô hình giải phẫu toàn thân (phủ tạng có thể tháo rời, có 36 phần; chiều cao 1800 mm)	Bộ	01	
13.	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	01	
14.	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	01	
15.	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ	Bộ	01	
16.	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	Bộ	01	
17.	Mô hình tim	Chiếc	01	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
18.	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	01	
19.	Mô hình phổi (7 mảnh)	Chiếc	01	
20.	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	Bộ	01	
21.	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	01	
22.	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	Bộ	01	
23.	Mô hình cơ quan sinh dục nam	Bộ	01	
24.	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ	Bộ	01	
25.	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ	01	
26.	Mô hình giải phẫu tai mũi họng	Bộ	01	
27.	Mô hình mắt (Phóng đại)	Bộ	01	
28.	Mô hình da phóng đại (Phóng đại 70 lần)	Chiếc	01	
29.	Mô hình tai phóng đại (6 mảnh)	Chiếc	01	
30.	Mô hình não	Chiếc	01	
31.	Mô hình cắt ngang tủy sống	Chiếc	01	
32.	Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	Chiếc	01	
33.	Mô hình cắt đứng qua hông chậu nữ	Chiếc	01	
34.	Mô hình chi trên/chi dưới cắt lớp	Bộ	01	
35.	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Chiếc	01	
36.	Mô hình ruột non, ruột già	Chiếc	01	
37.	Mô hình giải phẫu dạ dày	Chiếc	01	
38.	Mô giải phẫu hình gan	Chiếc	01	
39.	Mô giải phẫu hình thận	Chiếc	01	
40.	Mô hình giải phẫu tủy sống	Chiếc	01	
41.	Mô hình giải phẫu mạch máu toàn thân	Chiếc	01	
42.	Mô hình giải phẫu mạch máu toàn thân	Chiếc	01	
43.	Mô hình giải phẫu thần kinh tủy sống toàn thân	Chiếc	01	
44.	Mô hình hệ giải phẫu tiết niệu	Chiếc	01	
45.	Mô hình giải phẫu ruột tá- tụy	Chiếc	01	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
46.	Mô hình giải phẫu cây phế quản	Chiếc	01	
47.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu	Bộ	01	
48.	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	01	
49.	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	01	
50.	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ	Bộ	01	
51.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn	Bộ	01	
52.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp	Bộ	01	
53.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu	Bộ	01	
54.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh	Bộ	01	
55.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam	Bộ	01	
56.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ	Bộ	01	
57.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng	Bộ	01	
58.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý da	Bộ	01	
59.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác	Bộ	01	
60.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác	Bộ	01	
61.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác	Bộ	01	
62.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác	Bộ	01	
63.	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiêu hóa.	Bộ	01	
64.	Bộ tranh giải phẫu - sinh hệ tuần hoàn	Bộ	01	

- Phòng thực hành Y học cổ truyền - VL trị liệu - Phục hồi chức năng:

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy vi tính	Bộ	01	
2.	Máy chiếu	Bộ	01	
3.	Bảng lật	Cái	01	
4.	Bàn ghế giáo viên	Bộ	01	
5.	Ghế học sinh	Cái	30	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
6.	Bàn vận động	Cái	01	
7.	Đệm vận động cột sống lưng	Con	01	
8.	Máy sóng ngắn	Cái	01	
9.	Đèn hồng ngoại	Cái	03	
10.	xe đạp tập chân	Cái	01	
11.	Xe lăn	Cái	01	
12.	Giá tập tay	Cái	01	
13.	Tạ tay	Bộ	06	
14.	Khung tập đi (thanh song song)	Bộ	01	
15.	Giường (phục hồi chức năng)	Cái	01	
16.	Gối, bột tan, túi chườm	Cái	04	
17.	Máy kéo cột sống	Cái	01	
18.	Máy điện phân	Cái	01	
19.	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Cái	05	
20.	Máy xoa bóp	Cái	02	
21.	Máy điện châm	Cái	02	
22.	Khay inox Lớn	Cái	08	
23.	Khay inox trung	Cái	03	
24.	Khay inox nhỏ	Bộ	08	
25.	Máy đo huyết áp, Ống nghe	Bộ	02	
26.	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	Bộ	01	
27.	Giường xoa bóp	Cái	02	
28.	Lọ đựng bông cotton inox	Bộ	12	
29.	Ống đựng kẹp lớn nhỏ	Chiếc	04	
30.	Đèn cồn	Chiếc	03	
31.	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	02	
32.	Thau - xô lớn - xô nhỏ	Đôi	01	
33.	Búa phản xạ	Chiếc	03	
34.	Nẹp trên gối có khớp háng (HKAFO)	Chiếc	02	
35.	Nẹp cổ-bàn chân (AFO)	Chiếc	02	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
36.	Đệm bàn chân FO	Chiếc	02	
37.	Áo chỉnh hình cột sống thắt lưng ngực	Chiếc	02	
38.	Giày dép cho người bệnh phong	Chiếc	02	
39.	Tủ chứa đồ	Chiếc	01	
40.	Kệ có bánh xe để máy	Chiếc	01	
41.	Bộ tranh ảnh huyết vị, các đường kinh	Bộ	03	

- Phòng thực hành Vi sinh - Ký sinh trùng - Sinh lý bệnh miễn dịch

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy vi tính	Bộ	02	
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	02	
3.	Bảng lật	Cái	02	
4.	Bộ dụng cụ định nhóm máu	Bộ	05	
5.	Bộ dụng cụ xét nghiệm đếm Hồng cầu, Hb	Bộ	05	
6.	Kính hiển vi quang học (2 mắt- thị kính 10x, 40x, 100x; chiếu sáng)	Cái	25	
7.	Máy cất nước 2 lần	Bộ	01	
8.	Máy huyết học (16-40 chỉ số)	Bộ	01	
9.	Máy sấy tiêu bản	Bộ	01	
10.	Nồi hấp	Cái	01	
11.	Kính hiển vi kết nối màn hình:(3 mắt-TK: 20x, 16x, VK: 60x, 100x(SL); Camera, monitor)	Bộ	01	
12.	Máy đo tốc độ máu lắng	Cái	01	

- Phòng thực hành Sản - Nhi

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Tủ đầu giường và giường bệnh kèm nệm, gối gar trải giường	Bộ	02	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
2.	Dụng cụ khám thai (khay đựng, thước dây, thước đo khung chậu, ống nghe tim thai, máy đo huyết áp, tai nghe)	Bộ	02	
3.	Mô hình khám thai, mô hình bà mẹ		02	
4.	Mô hình thai nhi phát triển trong tử cung	Bộ	02	
5.	Thước đo khung chậu	Cái	02	
6.	Cân	Cái	02	
7.	Thước đo chiều cao	Cái	02	
8.	Máy nghe tim thai	Cái	01	
9.	Bộ dụng cụ lấy nước tiểu làm xét nghiệm			
10.	Bàn đỡ	Cái	02	
11.	Bồn rửa tay inox	Cái	02	
12.	Dụng cụ đỡ đẻ	Bộ	02	
13.	Dụng cụ cắt, khâu tầng sinh môn (kéo thẳng đầu tù, kéo cắt chỉ, kèm mang kim, kẹp phẫu tích, hộp chữ nhật)	Bộ	02	
14.	Mô hình khung chậu để đỡ đẻ	Cái	02	
15.	Mô hình giải phẫu khung chậu	Cái	02	
16.	Mô hình cắt khâu tầng sinh môn	Cái	02	
17.	Mô hình mô tả cơ chế đẻ	Cái	02	
18.	Mô hình thai nhi	Cái	02	
19.	Mô hình bánh rau	Cái	02	
20.	Cáng	Cái	01	
21.	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Cái	01	
22.	Bàn chăm sóc sơ sinh	Cái	01	
23.	Chậu tắm cho trẻ sơ sinh	Cái	02	
24.	Tủ thuốc	Cái	01	
25.	Mô hình sơ sinh	Cái	02	
26.	Dụng cụ chăm sóc rốn sơ sinh	Bộ	04	
27.	Phương tiện hút nhót cho trẻ sơ sinh (bóng bóp hút nhót, ống hút...)	Bộ	02	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
28.	Máy hút nhót và các thiết bị kèm theo	Bộ	02	
29.	Mô hình sơ sinh để HSSS	Cái	02	
30.	Mô hình đặt dụng cụ tử cung	Cái	02	
31.	Bộ dụng cụ đặt dụng cụ tử cung	Bộ	04	
32.	Mô hình dương vật bằng gỗ	Cái	02	
33.	Bàn làm thủ thuật	Cái	02	
34.	Đèn gù	Cái	01	
35.	Xe đẩy dụng cụ 2 tầng để dụng cụ thực hành	Cái	02	

- Phòng thực hành Hóa sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy vi tính	Bộ	01	
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	
3.	Bàn giáo viên	Cái	01	
4.	Bàn dài học thực hành	Cái	02	
5.	Ghế ngồi	Cái	30	
6.	Bảng lật	Cái	01	
7.	Cân kỹ thuật điện tử 500mg	Cái	01	
8.	Máy điện tim 3 cần	Bộ	02	
9.	Máy đo huyết áp đồng hồ, ống nghe, đồng hồ bấm giây	Bộ	02	
10.	Máy khuấy từ	Cái	03	
11.	Máy lắc tròn	Bộ	01	
12.	Máy lắc ngang	Bộ	02	
13.	Máy lắc xoay	Cái	01	
14.	Máy li tâm 4000v / phút	Cái	02	
15.	Tủ mát	Cái	01	
16.	Tủ bảo quản hóa sinh phẩm	Cái	02	
17.	Tủ lạnh sâu (-40 0C)	Cái	01	
18.	Tủ sấy	Cái	01	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
19.	Máy ghi điện não	Bộ	01	
20.	Máy ghi điện cơ	Bộ	01	
21.	Máy quang phổ	Bộ	01	
22.	Bình ổn nhiệt	Cái	02	
23.	Tủ đựng dụng cụ	Cái	01	

- Phòng thực hành Sinh lý bệnh - Miễn dịch:

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy vi tính	Bộ	02	
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	02	
3.	Bảng lật	Cái	02	
4.	Bộ dụng cụ định nhóm máu	Bộ	05	
5.	Bộ dụng cụ xét nghiệm đếm Hồng cầu, Hb	Bộ	05	
6.	Kính hiển vi quang học (2 mắt - thị kính 10x, 40x, 100x; chiếu sáng)	Cái	15	
7.	Máy huyết học (16-40 chỉ số)	Bộ	01	
8.	Máy sấy tiêu bản	Bộ	01	
9.	Nồi hấp	Cái	01	
10.	Kính hiển vi kết nối màn hình:(3 mắt-TK: 20x, 16x,VK: 60x, 100x(SL); Camera, monitor)	Bộ	01	
11.	Máy đo tốc độ máu lắng	Cái	01	
12.	Bộ tiêu bản lấy máu	Bộ	01	
13.	Bộ dụng cụ lấy máu	Bộ	01	
14.	Bộ dụng cụ thí nghiệm sốc mất máu	Bộ	01	
15.	Bộ dụng cụ thí nghiệm gây nhiễm toan	Bộ	01	
16.	Bộ dụng cụ thí nghiệm rối loại chuyển hóa nước - điện giải	Bộ	01	

- Phòng thực hành Giải phẫu bệnh:

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy vi tính	Bộ	01	
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	
3.	Bảng lật	Cái	01	
4.	Máy cắt lát mô	Cái	01	
5.	Máy xử lý mô tế bào	Cái	01	
6.	Máy đúc khuôn, vùi mô	Cái	01	
7.	Máy nhuộm hóa mô miễn dịch	Cái	01	
8.	Máy ly tâm tế bào	Cái	01	
9.	Bể nuôi tiêu bản	Cái	01	
10.	Tủ sấy tiêu bản	Cái	01	
11.	Kính hiển vi quang học	Cái	01	
12.	Tủ bảo quản lam	Cái	01	
13.	Bộ dụng cụ nhuộm và xử lý bằng tay	Bộ	01	
14.	Bàn giải phẫu bệnh	Bộ	01	
15.	Bộ dụng cụ giải phẫu bệnh	Bộ	02	
16.	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	02	
17.	Bộ dụng cụ trung phẫu	Bộ	02	
18.	Lavabo rửa tay ngoại khoa	Cái	01	

- Phòng thực hành Dược lý 1,2 :

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Bảng lật	Cái	01	
2.	Bàn giáo viên	Cái	01	
3.	Ghế ngồi	Cái	30	
4.	Bàn học TH	Cái	04	
5.	Tủ đựng thuốc	Cái	02	
6.	Acetaminophen 500mg	Vỉ	10	
7.	Acetaminophen (viên đạn) 150mg	Vỉ	10	
8.	Acid acetyl salicylic 500mg	Vỉ	10	
9.	Ibuprofen 400mg	Vỉ	10	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
10.	Meloxicam 7.5mg	Vỉ	10	
11.	Diclofenac 50mg	Vỉ	10	
12.	Piroxicam 20mg	Vỉ	10	
13.	Celecoxib 100mg	Vỉ	10	
14.	Clopheniramin 4mg	Vỉ	10	
15.	Cetirizin 10mg	Vỉ	10	
16.	Alimemazin 5mg	Vỉ	10	
17.	Loratadin 10mg	Vỉ	10	
18.	Fexofenadin 60mg	Vỉ	10	
19.	Promethazin 10mg	Vỉ	10	
20.	Diphenhydramin 25mg	Vỉ	10	
21.	Acetylcystein 200mg	Vỉ	10	
22.	Ambroxol 30mg	Vỉ	10	
23.	Terpin codein 100mg	Vỉ	10	
24.	Salbutamol 0.1mg/liều	Lọ	10	
25.	Dextromethorphan 15mg	Vỉ	10	
26.	Bromhexin 8mg	Vỉ	10	
27.	Terbutalin 0.5mh/ml	Ống	10	
28.	Ipratropium khí dung	Lọ	10	
29.	Theophylin 100mg	Vỉ	10	
30.	Nhôm hydroxyd + magne hydroxyd hỗn dịch	Gói	10	
31.	Omeprazol 20mg	Vỉ	10	
32.	Pantoprazol 40mg	Vỉ	10	
33.	Lansoprasol 30mg	Vỉ	10	
34.	Rabeprazole 20mg	Vỉ	10	
35.	Esomeprazol 40mg	Vỉ	10	
36.	Cimetidin 200mg	Vỉ	10	
37.	Famotidin 20mg	Vỉ	10	
38.	Ranitidin 150mg	Vỉ	10	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
39.	Sucralfat 1g	Vỉ	10	
40.	Sorbitol 5g	Gói	10	
41.	Lactulose 667g/l	Gói	10	
42.	Bisacodyl 5mg	Vỉ	10	
43.	Lactobacillus acidophilus 75mg	Hộp	10	
44.	Loperamid 2mg	Vỉ	10	
45.	Oresol 27.9g	Gói	10	
46.	Metronidazol 250mg	Vỉ	10	
47.	Diloxanid 500mg	Vỉ	10	
48.	Mebendazol 100mg	Vỉ	10	
49.	Albendazol 200mg	Vỉ	10	
50.	Praziquantel 600mg	Vỉ	10	
51.	Sắt sulfat 60mg	Vỉ	10	
52.	Acid folic 5mg	Vỉ	10	
53.	Vitamin B12 1mg	Vỉ	10	
54.	Vitamin A 5000IU	Vỉ	10	
55.	Acetazolamid 125mg	Vỉ	10	
56.	Hydroclothiazid 25mg	Vỉ	10	
57.	Furosemid 20mg	Vỉ	10	
58.	Spironolacton 25mg	Vỉ	10	
59.	Trimetazidin 5mg	Vỉ	10	
60.	Quinidin Sulfat 200mg	Vỉ	10	
61.	Propranolon 20mg	Vỉ	10	
62.	Daflon 500mg	Vỉ	10	
63.	Amitryptiline 25mg	Hộp	5	
64.	Gapapentin 300mg	Vỉ	10	
65.	Digoxin 0,25mg	Vỉ	10	
66.	Uabain 25mg/1ml	Ống	10	
67.	Nitroglycerin 5mg	Vỉ	10	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
68.	Micardis 40mg	Vỉ	10	
69.	Colchicin 1mg	Vỉ	10	
70.	Allopurinol 300mg	Vỉ	11	
71.	Nifedipin 5mg	Vỉ	10	
72.	Amlodipin maleat 5mg	Vỉ	10	
73.	Enalapril maleat 5mg	Vỉ	10	
74.	Losartan kali 25mg	Vỉ	10	
75.	Methyldopa 125mg	Vỉ	10	
76.	Fenofibrat 150mg	Vỉ	10	
77.	Fluvastatin natri 20mg	Vỉ	10	
78.	Penicillin V Kali 1MIU	Vỉ	11	
79.	Amoxicillin trihydrat 500mg	Vỉ	10	
80.	Cefuroxim natri 250mg	Vỉ	10	